

# ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ VÀ TRỮ LƯỢNG NGAO DẦU (*Meretrix meretrix*) ở vùng đầm phá TAM GIANG - CẦU HAI (THỪA THIÊN HUẾ)

LÊ CÔNG TUẤN, NGUYỄN QUANG LINH

Khoa Thủy sản, Trường đại học Nông Lâm Huế

## 1. GIỚI THIỆU

**N**gaο dầυ - tên địa phương gọi là trĩa mỡ - (*Meretrix meretrix*) là loại nhuyễn thể 2 mảnh vỏ giàu chất dinh dưỡng, hương vị thơm ngon và được nhiều người ưa thích. Trong những năm gần đây, do nhu cầu tiêu thụ tăng cao nên người dân vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai đã gia tăng áp lực khai thác loài này cả về số lượng và các loại kích cỡ khác nhau, dẫn đến nguy cơ cạn kiệt nguồn lợi ngao dầυ ở vùng này. Trước hiện trạng đó, từ năm 1998 đến 2002, chúng tôi đã tiến hành điều tra khảo sát về đặc điểm phân bố và trữ lượng ngao dầυ ở vùng đầm phá Thừa Thiên Huế, nhằm mục đích xây dựng cơ sở dữ liệu về

nguồn lợi của chúng và cung cấp thông tin cho các cơ quan có chức năng trong định hướng khai thác, nuôi trồng, bảo tồn và phát triển nguồn lợi này.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

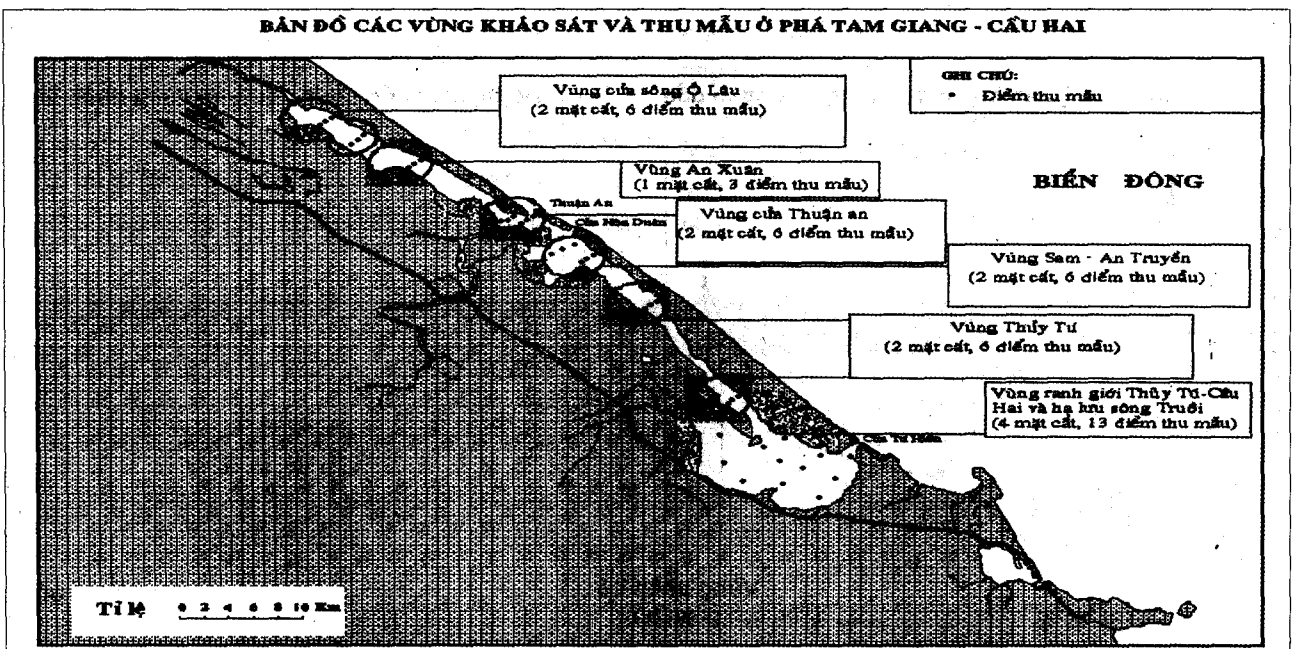
**2.1 Đối tượng:** Ngao dầυ - còn gọi là trĩa mỡ (*Meretrix meretrix* Linnaeus, 1758), thuộc họ Veneridae, bộ phụ Heterodonta, bộ Eulameilibranchia.

### 2.2 Phương pháp nghiên cứu:

- Xác định vùng phân bố và trữ lượng

Điều tra, phỏng vấn những người dân tham gia khai thác ngao dầυ để xác định sơ bộ vùng phân bố

BẢN ĐỒ CÁC VÙNG KHẢO SÁT VÀ THU MẪU Ở PHÁ TAM GIANG - CẦU HAI



và trữ lượng của chúng (PRA).

Nghiên cứu thực địa: Dọc theo phá Tam Giang - Cầu Hai, chúng tôi thu mẫu theo 11 mặt cắt ngang được ký hiệu từ M1 (cửa sông Ô Lâu) đến M11 (gần cửa biển Tư Hiền).

Tại mỗi mặt cắt có 3 điểm thu mẫu được đánh số từ 1 đến 3 theo hướng từ đông sang tây. Đào và thu hết mẫu trong khung định lượng 1m<sup>2</sup> kết hợp với dùng gàu Petersen (0,025m<sup>2</sup>) để thu mẫu các vùng sâu không thể lặn đến đáy được.

Mật độ được tính bằng số cá thể trung bình trên 10m<sup>2</sup>.

Tính diện tích phân bố bằng phương pháp bản đồ tỷ lệ 1:50.000 đối chiếu với vùng phân bố, từ đó tính trữ lượng tức thời trên các vùng phân bố.

Sản lượng khai thác và nguồn lợi được ước tính tức thời từ người khai thác và nơi thu gom mua.

- Khảo sát các yếu tố môi trường: nhiệt độ, oxy hoà tan, pH, độ mặn bằng máy đo 6 yếu tố môi trường (TOA).

Thu mẫu nước ở tầng đáy bằng Batomet. Xác định mẫu trầm tích đáy dựa trên phương pháp so sánh tỷ lệ các loại cấu tạo nên trầm tích.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

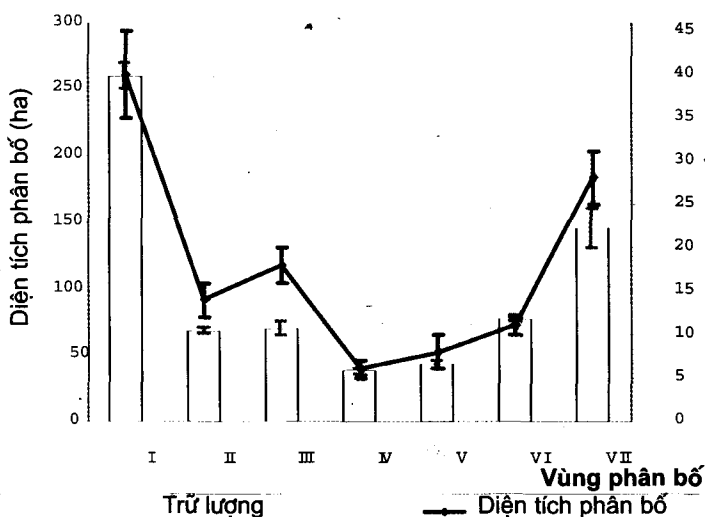
#### 3.1 Phân bố và trữ lượng

Diện tích phân bố, mật độ và trữ lượng ngao đầu ước tính ở phá Tam Giang - Cầu Hai tại 7 vùng chủ yếu được thể hiện ở bảng 1 và đồ thị 1,2. Mật độ và

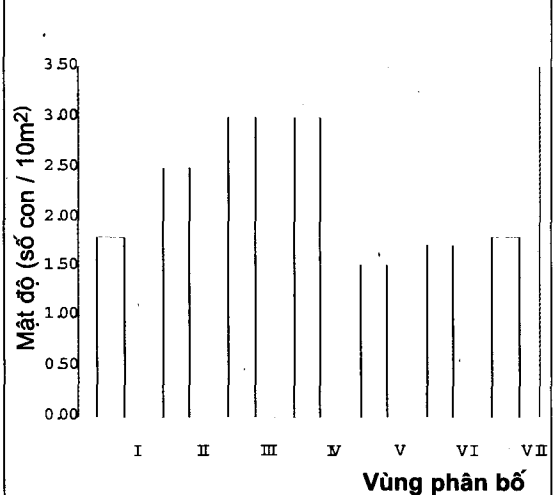
**Bảng 1. Diện tích phân bố và trữ lượng ngao đầu vùng phá Tam Giang - Cầu Hai**

Vùng phân bố	Diện tích phân bố (ha)	Trữ lượng (tấn)	Mật độ (số con / 10m <sup>2</sup> )
I	250	25	1,8
II	70	10	2,5
III	110	12	3,0
IV	40	4	3,0
V	50	5	1,5
VI	70	7	1,7
VII	180	18	1,8

**Đồ thị 1: Sự phân bố và trữ lượng của ngao đầu**



**Đồ thị 2: Mật độ ngao đầu trên vùng phân bố**



trữ lượng của ngao dầu ở các vùng từ An Xuân đến đầm Sam khá cao, từ 18 - 30 con/10m<sup>2</sup> và có xu hướng tăng dần trong khi đó các vùng từ Mũi Hàn đến cửa biển Tư Hiền có mật độ thấp hơn, từ 15 - 18 con/m<sup>2</sup> và cũng có xu hướng tăng dần đến vùng có độ mặn cao hơn. Các vùng khác có mật độ ngao dầu cao cũng là vùng có độ mặn cao và ổn định như cửa biển Thuận An và cửa Tư Hiền. Điều này cho thấy sự ổn định cao của yếu tố độ mặn có tính quyết định đến mật độ, phân bố của ngao dầu ở vùng đầm phá. Khi điều kiện môi trường thay đổi, đặc biệt là độ mặn đã làm ảnh hưởng đến sự thích ứng và sinh trưởng của chúng. Ngao dầu thường thích ứng ở vùng có độ mặn từ >7,9 đến 33 ‰, kết quả này cũng phù hợp với một số kết quả nghiên cứu của các tác giả trước đây (Chin, T.S và Chen, H.C., 1993).

### 3.2 Đặc điểm phân bố của ngao dầu ở vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai

Trong thời gian nghiên cứu chúng tôi nhận thấy sự phân bố của ngao dầu ở vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai có sự sai khác rõ rệt trong 2 mùa khô và mùa mưa (bảng 2).

Ngao dầu phân bố ở vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai ở độ sâu lớn hơn 1m nước, tập tính sống vùi mình trong nền đáy 3-4cm, nơi nguồn nước luôn có sự trao đổi. Sự phân bố của ngao dầu trong vùng đầm phá chịu sự chi phối rất lớn của các yếu tố môi trường như dòng chảy, chất đáy, độ mặn, độ sâu.. trong đó độ mặn đóng vai trò quyết định. Sự ngọt hóa vùng đầm phá trong mùa mưa (tháng 9, 10 đến tháng 12) đã kéo theo sự thu hẹp vùng phân bố của ngao dầu (4/7 vùng

phân bố chủ yếu) và giảm mật độ của chúng.

## 4. KẾT LUẬN

- Mật độ và sự phân bố của ngao dầu ở đầm phá Tam Giang - Cầu Hai khác nhau theo 7 vùng chủ yếu, trữ lượng ước tính từ 112 - 140 tấn. Ngao dầu có mật độ hầu hết ở các vùng vào mùa khô, trong khi vào mùa mưa chúng chỉ xuất hiện ở các vùng II, III, IV và VII.

- Các yếu tố môi trường của các vùng phân bố có ảnh hưởng đến mật độ và số lượng ngao dầu ở vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai. Ngao dầu sống thích hợp với các vùng có trầm tích đáy cát, cát bùn, bùn cát ■

## 5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chin T.S., và Chen H.C., 1993. Bioaccumulation and distribution of mercury in the hard clam, *Meretrix lusoria* (Bivalvia: Veneidae). Comp. Biochem. Physiol. C. Sep;106 (1).
2. Nguyễn Chính, 1996. Một số loài động vật nhuyễn thể (Mollusca) có giá trị kinh tế ở biển Việt Nam, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Chung, Đào Tấn Hổ, Lê Trọng Minh, Tôn Thất Thống, Trần Đình Nam, Võ Văn Đạt, 1981. Thành phần chất đáy các đầm phá Bình Trị Thiên. Thông tin Khoa học, Trường đại học Tổng hợp Huế 9/1981.
4. Marine resources management for sea farming and ranching, FAO report, 1985. [http://www.fao.org/documents/show\\_cdr.asp](http://www.fao.org/documents/show_cdr.asp).
5. Lê Công Tuấn, Nguyễn Quang Linh, Nguyễn Mộng, 2003. Kết quả nghiên cứu động vật nổi ở vùng đầm phá Tam Giang- Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạp chí Sinh học, 9/2003.

**Bảng 2. Đặc điểm phân bố của ngao dầu liên quan với các yếu tố môi trường**

Yếu tố môi trường	Vùng I	Vùng II	Vùng III	Vùng IV	Vùng V	Vùng VI	Vùng VII
Mật độ	18-30 con/10m <sup>2</sup>	15-18 con/m <sup>2</sup>					
Độ mặn	33 ‰	25 ‰	15 ‰	10 ‰	5 ‰	2 ‰	1 ‰
Độ sâu	> 1m	> 1m	> 1m	> 1m	> 1m	> 1m	> 1m
Loại đáy	Cát, cát bùn	Cát, cát bùn	Cát, cát bùn	Cát, cát bùn	Cát, cát bùn	Cát, cát bùn	Cát, cát bùn
Thời gian	Mùa khô	Mùa khô	Mùa khô	Mùa khô	Mùa khô	Mùa khô	Mùa khô